

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 15 được cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (“CNTT”);
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và một chi nhánh tại tầng 9, tòa nhà TNA, số 111 – 112 phố Ngô Gia Tự, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên	
Ông Lê Việt Hà	Thành viên	
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên	
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên	
Ông Lee Jay Seok	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2021
Ông Jeong Sam Yong	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng ban	Từ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2021
Ông Trương Thanh Phúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2021



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (*)	
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc Phó Chủ tịch Điều hành Cấp cao Tập đoàn - Phụ trách điều hành hoạt động Công ty	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2021 Đến ngày 6 tháng 7 năm 2021
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2021
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Quản trị	
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Tài chính	
Ông Lương Tuấn Thành	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Công nghệ	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2021

(*) Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và các công ty con.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Điều hành Tập đoàn và Ông Hồ Thanh Tùng, Tổng Giám đốc (chính thức trở thành người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 7 tháng 7 năm 2021).

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 đề ngày 29 tháng 6 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Điều hành:



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 29 tháng 6 năm 2022



Số tham chiếu: 61376291/22756623

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”), được lập ngày 29 tháng 6 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1



Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		803.195.713.259	883.724.584.516
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	61.433.669.139	33.004.954.360
111	1. Tiền		25.262.521.049	3.004.954.360
112	2. Các khoản tương đương tiền		36.171.148.090	30.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	429.513.076.626	630.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		429.513.076.626	630.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		293.366.950.823	193.642.990.987
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	14.477.630.597	17.105.603.434
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	17.094.533.591	17.490.263.927
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	32.776.000.000	61.976.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	240.585.985.033	111.353.332.747
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(11.567.198.398)	(14.282.209.121)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		18.882.016.671	27.076.639.169
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		810.587.358	722.526.327
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	10	17.208.754.488	26.333.900.619
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	862.674.825	20.212.223
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.896.399.793.945	1.508.250.373.954
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		141.867.370.000	48.560.107.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	136.867.370.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	5.000.000.000	48.560.107.000
220	II. Tài sản cố định		202.480.294.807	208.649.578.036
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	197.216.273.280	206.369.266.185
222	Nguyên giá		379.834.799.535	379.250.188.716
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(182.618.526.255)	(172.880.922.531)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	5.264.021.527	2.280.311.851
228	Nguyên giá		26.115.153.204	22.443.303.204
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.851.131.677)	(20.162.991.353)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		665.417.573.391	454.181.185.092
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	665.417.573.391	454.181.185.092
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	878.522.958.534	787.734.669.974
251	1. Đầu tư vào công ty con		930.527.522.316	745.440.014.767
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		7.258.356.000	7.258.356.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(59.262.919.782)	(30.598.827.801)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	65.635.127.008
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.111.597.213	9.124.833.852
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	8.111.597.213	9.124.833.852
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.699.595.507.204	2.391.974.958.470

CÔNG TY CỔ PHẦN
 TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ
 CMC
 CHỖ CHỮ KÝ
 VÀ CHẤM DẤU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		833.077.996.477	693.281.799.590
310	I. Nợ ngắn hạn		421.303.873.899	360.588.558.760
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	128.658.186.961	94.253.826.604
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	236.244.155	2.745.194.993
314	3. Phải trả người lao động		2.401.761.239	5.887.701.835
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	19.205.028.174	11.849.350.192
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	5.498.699.705	6.857.774.409
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	63.158.893.136	10.944.204.199
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	198.247.981.276	219.262.127.275
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	3.897.079.253	8.788.379.253
330	II. Nợ dài hạn		411.774.122.578	332.693.240.830
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	7.150.799.250	3.840.443.123
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	400.558.286.244	308.093.960.229
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	1.415.262.605	1.473.258.945
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	24	2.649.774.479	19.285.578.533
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.866.517.510.727	1.698.693.158.880
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	1.866.517.510.727	1.698.693.158.880
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.089.988.830.000	999.998.660.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.089.988.830.000	999.998.660.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		599.555.780.400	599.555.780.400
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		176.972.900.327	99.138.718.480
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.148.548.480	7.834.444.288
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		167.824.351.847	91.304.274.192
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.699.595.507.204	2.391.974.958.470

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn

Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Nguyễn Trung Chính

Ngày 29 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.1	129.948.082.972	137.818.291.502
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	27.1	129.948.082.972	137.818.291.502
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	28	68.933.558.239	76.567.968.112
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		61.014.524.733	61.250.323.390
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	224.141.948.481	145.609.387.430
22	7. Chi phí tài chính	29	48.707.692.615	18.364.858.440
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		19.841.961.706	16.019.820.563
25	8. Chi phí bán hàng		82.495.564	91.729.290
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	69.307.126.771	76.079.577.862
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		167.059.158.264	112.323.545.228
31	11. Thu nhập khác		996.795.761	250.209.850
32	12. Chi phí khác		289.598.518	55.000.000
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		707.197.243	195.209.850
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		167.766.355.507	112.518.755.078
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	-	2.571.601.784
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.3	(57.996.340)	(57.996.340)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		167.824.351.847	110.005.149.634

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn

Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Nguyễn Trung Chính

Ngày 29 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		167.766.355.507	112.518.755.078
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11,12	10.772.807.219	19.896.741.161
03	Các khoản trích lập/(hoàn nhập) dự phòng		25.949.081.258	5.056.367.485
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		14.972.256	3.681.115
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(224.852.488.822)	(145.609.339.929)
06	Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	29	20.028.628.378	16.019.820.563
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(320.644.204)	7.886.025.473
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(48.006.832.682)	12.310.105.953
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		98.687.435.450	(17.692.709.119)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		925.175.608	(674.732.789)
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.234.930.265)	(16.887.874.819)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(3.414.064.386)	(4.072.881.565)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(21.887.967.404)	(6.158.232.233)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		8.748.172.117	(25.290.299.099)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(222.861.476.913)	(244.313.943.738)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(483.313.076.626)	(1.134.005.127.008)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		789.564.733.859	1.285.780.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(198.774.692.004)	(100.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		64.744.233.874	182.172.678.110
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(50.640.277.810)	(10.366.392.636)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		577.037.017.950	350.779.048.374
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(506.380.171.273)	(254.567.712.006)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(336.026.205)	(99.739.887.220)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		70.320.820.472	(3.528.550.852)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		28.428.714.779	(39.185.242.587)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		33.004.954.360	72.190.196.947
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	61.433.669.139	33.004.954.360



Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương



Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn



Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Nguyễn Trung Chính

Ngày 29 tháng 6 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và các giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 15 được cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (“CNTT”);
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và một chi nhánh tại tầng 9, tòa nhà TNA, số 111 – 112 Ngõ Gia Tự, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 là 114 (ngày 31 tháng 3 năm 2021: 96).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty có 16 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn (i)	Hồ Chí Minh	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (i)	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC (ii)	Hà Nội	Phân phối các sản phẩm CNTT	100%	100%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Hà Nội	Sản xuất, lắp ráp phân phối máy tính	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Consulting (tên trước đây là Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC)	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	51%	51%
Công ty TNHH CMC Blue France (ii)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC (i)	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an toàn an ninh thông tin	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (i)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương (i)	Singapore	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cung cấp linh kiện điện tử	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education (iii)	Hà Nội	Đào tạo đại học	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC (iii)	Hà Nội	Đào tạo đại học	72,53%	72,53%
Trường Đại học Mỹ thuật Công nghệ Á Châu (iii)	Hà Nội	Đào tạo đại học	66%	91%

(i) Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC và Công ty TNHH CMC Global.

(ii) Các công ty này đã tạm dừng hoạt động.

(iii) Trong năm, Công ty đã thành lập Công ty TNHH CMC Education theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109871485 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 12 năm 2021 với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 250 tỷ đồng. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của công ty này là đào tạo đại học. Vào ngày 21 tháng 2 năm 2022, Công ty TNHH CMC Education đã hoàn thành việc mua 3.633.961 cổ phần (tương ứng với 72,53% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC. Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC cũng có một công ty con và nắm giữ 91% vốn chủ sở hữu tại Trường Đại học Mỹ Thuật Công nghệ Á Châu. Sau khi hoàn tất giao dịch này, Công ty Cổ phần Đầu tư Đại học CMC và Trường Đại học Mỹ thuật Công nghệ Á Châu đã chính thức trở thành các công ty con gián tiếp của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022 vào ngày 29 tháng 6 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

B02-V
CÔNG TY
TNNH
& VC
TNA
NHẬP
NỘI
A-3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn của hợp đồng thuê. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	39 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban quản lý khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắn chắn cho thấy có sự suy giảm về giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tiền cho thuê

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn phần vốn hoặc cổ phần chuyển nhượng; và được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

B09-DN
 NG
 TNHH
 & Y
 TN
 NH
 A N
 ỄM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	997.737.241	1.140.161.128
Tiền gửi ngân hàng	24.264.783.808	1.864.793.232
Các khoản tương đương tiền (*)	36.171.148.090	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	61.433.669.139	33.004.954.360

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 bao gồm các khoản trái phiếu bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 7%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2021: 3%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 4,9%/năm đến 8%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2021: từ 7,4%/năm đến 8,5%/năm).

Công ty đã sử dụng một số hợp đồng tiền gửi làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV (*Thuyết minh số 22*).

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ khách hàng	1.458.486.015	8.555.453.734
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	5.170.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.458.486.015	3.385.453.734
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	13.019.144.582	8.550.149.700
TỔNG CỘNG	14.477.630.597	17.105.603.434
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (<i>Thuyết minh số 6.3</i>)	(938.064.932)	(938.064.932)
Dài hạn		
Phải thu từ các bên liên quan (i) (<i>Thuyết minh số 33</i>)	136.867.370.000	-
TỔNG CỘNG	136.867.370.000	-

(i) Đây là khoản phải thu liên quan đến giao dịch chuyển nhượng 13.686.737 cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC, một công ty con của Công ty, cho Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC, một công ty con khác của Công ty.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán	5.215.949.012	11.881.008.886
- Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất	-	5.604.022.392
- Công ty Cổ phần Liên doanh Thái Bình Dương	-	1.998.531.405
- Công ty TNHH Schindler Việt Nam	-	1.772.670.000
- Trả trước cho người bán khác	5.215.949.012	2.505.785.089
Trả trước cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	11.878.584.579	5.609.255.041
TỔNG CỘNG	17.094.533.591	17.490.263.927
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (<i>Thuyết minh số 6.3</i>)	(164.759.188)	(164.759.188)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.282.209.121	11.567.198.398
Dự phòng trích lập trong năm	-	2.715.010.723
Hoàn nhập trong năm	(2.715.010.723)	-
Số cuối năm	11.567.198.398	14.282.209.121
<i>Trong đó:</i>		
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)	938.064.932	938.064.932
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)	164.759.188	164.759.188
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)	10.464.374.278	13.179.385.001

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 33)	32.776.000.000	61.976.000.000
TỔNG CỘNG	32.776.000.000	61.976.000.000

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần CMC Consulting	5.000.000.000	Gốc và lãi cho vay được hoàn trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.	6%/năm	Toàn bộ giá trị hàng hóa và các khoản phải thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh.
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	27.776.000.000	Gốc và lãi cho vay được hoàn trả vào ngày 26 tháng 11 năm 2022.	6%/năm	Tín chấp.
TỔNG CỘNG	32.776.000.000			

01100
 CÔNG
 TNHH
 ST &
 TIẾT
 HI NH
 HÀ N
 KIỂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	122.921.904.841	-	62.278.745.435	-
Lãi dự thu	24.417.028.560	-	16.232.194.823	-
Các khoản chi hộ	10.643.031.412	(6.250.054.278)	12.186.412.249	(8.965.065.001)
Tạm ứng cho nhân viên	20.341.039.754	-	14.707.130.431	-
Phải thu về đặt cọc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng (i)	55.739.880.900	-	-	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	3.023.099.566	(714.320.000)	2.448.849.809	(714.320.000)
TỔNG CỘNG	240.585.985.033	(10.464.374.278)	111.353.332.747	(13.179.385.001)
Dài hạn				
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	43.540.107.000	-
Ký quỹ, ký cược	5.000.000.000	-	5.020.000.000	-
TỔNG CỘNG	5.000.000.000	-	48.560.107.000	-
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>138.237.239.936</i>	<i>(6.250.054.278)</i>	<i>77.385.597.097</i>	<i>(8.965.065.001)</i>
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>43.540.107.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên thứ ba</i>	<i>102.348.745.097</i>	<i>(4.214.320.000)</i>	<i>33.967.735.650</i>	<i>(4.214.320.000)</i>
<i>Phải thu dài hạn khác từ bên thứ ba</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>5.020.000.000</i>	<i>-</i>

(i) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty TNHH Phát triển THT để nhận chuyển nhượng dự án thành phần tại lô đất B2CC3 có tổng diện tích là 11.341 m² tại Dự án Khu Trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây (Starlake) theo hợp đồng đặt cọc được ký giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển THT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH CMC Blue France	6.250.054.278	-	6.250.054.278	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Geleximco	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	-	-	2.715.010.723	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	1.817.144.120	-	1.817.144.120	-
TỔNG CỘNG	11.567.198.398	-	14.282.209.121	-

10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế GTGT được khấu trừ tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 chủ yếu phát sinh từ việc đầu tư xây dựng Dự án "Không gian sáng tạo CMC" tại khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh với tổng mức đầu tư là 883 tỷ đồng.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	205.829.862.300	163.282.537.422	6.277.280.000	3.860.508.994	379.250.188.716
- Mua trong năm	-	838.912.455	-	34.536.364	873.448.819
- Giảm khác	-	(60.000.000)	-	(228.838.000)	(288.838.000)
Số cuối năm	205.829.862.300	164.061.449.877	6.277.280.000	3.666.207.358	379.834.799.535
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	85.070.951.216	-	2.228.812.696	87.299.763.912
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	44.466.820.244	122.952.835.341	1.901.322.573	3.559.944.373	172.880.922.531
- Khấu hao trong năm	4.718.936.866	4.519.661.933	646.886.824	199.181.272	10.084.666.895
- Giảm khác	(177.666.589)	(13.578.444)	(49.760.525)	(106.057.613)	(347.063.171)
Số cuối năm	49.008.090.521	127.458.918.830	2.498.448.872	3.653.068.032	182.618.526.255
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	161.363.042.056	40.329.702.081	4.375.957.427	300.564.621	206.369.266.185
Số cuối năm	156.821.771.779	36.602.531.047	3.778.831.128	13.139.326	197.216.273.280
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp	145.685.809.805	34.867.226.389	-	-	180.553.036.194

Công ty đã sử dụng một phần diện tích của tài sản cố định là Tòa nhà CMC, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội làm văn phòng cho các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị thứ ba khác thuê sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	195.615.549	22.046.339.474	201.348.181	22.443.303.204
- Mua trong năm	-	188.000.000	-	188.000.000
- Đầu tư XD/CB dở dang hoàn thành	-	3.483.850.000	-	3.483.850.000
Số cuối năm	195.615.549	25.718.189.474	201.348.181	26.115.153.204
<i>Trong đó: Đã hao mòn hết</i>	195.615.549	18.297.043.517	165.278.181	18.694.007.247
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	152.445.260	19.837.202.535	173.343.558	20.162.991.353
- Hao mòn trong năm	40.117.177	633.294.663	14.728.484	688.140.324
Số cuối năm	192.562.437	20.470.497.198	188.072.042	20.851.131.677
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	43.170.289	2.209.136.939	28.004.623	2.280.311.851
Số cuối năm	3.053.112	5.247.692.276	13.276.139	5.264.021.527

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án "Không gian sáng tạo CMC" (*)	665.417.573.391	447.914.275.082
Dự án "Security Operation Center"	-	4.036.150.010
Phần mềm SAP Finance	-	1.530.760.000
Phần mềm chấm công Payroll	-	700.000.000
TỔNG CỘNG	665.417.573.391	454.181.185.092

(*) Đây là dự án xây dựng tòa nhà văn phòng của Công ty tại khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản sẽ được hình thành từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 22.

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay thuần với giá trị là 20,8 tỷ VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021: 16,6 tỷ VND) cho Dự án "Không gian sáng tạo CMC".



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

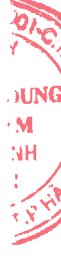
15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc
Đầu tư vào công ty con	930.527.522.316	(59.262.919.782)	871.264.602.534	745.440.014.767
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	270.000.000.000	-	270.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (I)	123.362.524.802	-	123.362.524.802	184.544.390.000
Công ty TNHH CMC Global	130.000.000.000	-	130.000.000.000	130.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	100.000.000.000	(50.949.881.245)	49.050.118.755	100.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	10.300.105.507	-	10.300.105.507	10.300.105.507
Công ty Cổ phần CMC Consulting (tên trước đây là Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC)	10.230.983.260	-	10.230.983.260	10.230.983.260
Công ty TNHH CMC Blue France	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	5.364.536.000
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	100.000.000.000	(2.948.502.537)	97.051.497.463	100.000.000.000
Công ty TNHH CMC Education (Thuyết minh số 1)	176.269.372.747	-	176.269.372.747	-
Đầu tư vào công ty liên kết	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000
Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	65.635.127.008
TỔNG CỘNG	937.785.878.316	(59.262.919.782)	878.522.958.534	818.333.497.775
				(30.598.827.801)
				787.734.669.974

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

(i) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 13.686.737 cổ phần (tương ứng với 18,11% vốn cổ phần) của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC cho Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC, một công ty con khác do công ty sở hữu 100% vốn theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 24 tháng 2 năm 2022.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	54,63%	54,63%	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Consulting	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH CMC Blue France	100%	100%	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Education	100%	100%	-	-

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Netnam, một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ mạng internet. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 và ngày 31 tháng 3 năm 2021, Công ty nắm giữ 41,1% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty liên kết này.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất trả trước	7.304.889.261	7.406.481.348
Chi phí cải tạo văn phòng	-	932.305.648
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	238.713.660	197.130.666
Chi phí môi giới cho thuê văn phòng	169.972.547	126.907.580
Chi phí trả trước dài hạn khác	398.021.745	462.008.610
TỔNG CỘNG	8.111.597.213	9.124.833.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán khác	88.977.182.321	88.986.400.321	60.529.500.466	60.529.500.466
- Công ty Cổ phần Xây dựng Central	57.147.554.607	57.147.554.607	57.790.427.982	57.790.427.982
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quân Đạt	11.795.633.973	11.795.633.973	2.376.890.472	2.376.890.472
- Công ty Cổ phần Cơ điện Đoàn Nhất	10.554.167.618	10.554.167.618	-	-
- Công ty TNHH Schindler Việt Nam	3.446.028.000	3.446.028.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	6.033.798.123	6.043.016.123	362.182.012	362.182.012
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	39.681.004.640	39.671.786.640	33.724.326.138	33.724.326.138
TỔNG CỘNG	128.658.186.961	128.658.186.961	94.253.826.604	94.253.826.604

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	14.208.037.195	(14.208.037.195)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 32.1)	2.551.389.561	-	(3.414.064.386)	(862.674.825)
Thuế thu nhập cá nhân	173.593.209	3.366.168.227	(3.303.517.281)	236.244.155
Thuế khác	-	53.607.135	(53.607.135)	-
TỔNG CỘNG	2.724.982.770	17.627.812.557	(20.979.225.997)	(626.430.670)
Trong đó:				
Thuế phải nộp	2.745.194.993			236.244.155
Thuế phải thu	(20.212.223)			(862.674.825)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng, sửa chữa	12.498.550.880	5.822.990.000
Lãi vay phải trả	2.685.788.673	-
Chi phí dịch vụ	3.434.261.590	5.093.030.058
Chi phí thuê đất	175.860.405	251.229.150
Thủ lao HĐQT và BKS	243.000.000	243.000.000
Chi phí khác	167.566.626	439.100.984
TỔNG CỘNG	<u>19.205.028.174</u>	<u>11.849.350.192</u>

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn bao gồm các khoản tiền thuê văn phòng nhận trước từ các khách hàng là bên thứ ba.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Vốn góp tạm hoàn trả từ công ty con (*)	45.081.450.398	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.621.356.418	6.539.621.926
Phải trả tiền lãi vay	3.156.054.795	549.023.354
Cổ tức phải trả	1.937.031.110	2.273.057.315
Kinh phí công đoàn	375.124.324	381.871.514
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.987.876.091	1.200.630.090
TỔNG CỘNG	<u>63.158.893.136</u>	<u>10.944.204.199</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.150.799.250	3.840.443.123
TỔNG CỘNG	<u>7.150.799.250</u>	<u>3.840.443.123</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác từ các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 33)</i>	48.498.812.193	549.023.354
<i>Phải trả khác từ bên thứ ba</i>	21.810.880.193	14.235.623.968

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 44/2019/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt việc giải thể Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC ("Công ty P&T"), Công ty P&T đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc giải thể này và đã tạm hoàn trả một phần vốn là nguồn tiền chưa có kế hoạch sử dụng về Công ty trong năm.

110
 CÔNG
 TH
 ST
 110
 H T
 HÀ
 KIẾ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn							
Vay thấu chi ngân hàng (i)	19.421.708.308	19.421.708.308	267.601.524.388	(247.779.934.171)	39.243.298.525	39.243.298.525	
Vay đối tượng khác (ii)	99.840.418.967	99.840.418.967	80.684.774.551	(126.166.903.767)	54.358.289.751	54.358.289.751	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	7.646.393.000	-	7.646.393.000	7.646.393.000	
Vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 33</i>)	100.000.000.000	100.000.000.000	109.200.000.000	(112.200.000.000)	97.000.000.000	97.000.000.000	
TỔNG CỘNG	219.262.127.275	219.262.127.275	465.132.691.939	(486.146.837.938)	198.247.981.276	198.247.981.276	
Dài hạn							
Vay ngân hàng (iii)	9.773.960.221	9.773.960.221	119.550.719.011	(7.646.393.000)	121.678.286.232	121.678.286.232	
Trái phiếu (iv)	298.320.000.008	298.320.000.008	793.333.339	(20.233.333.335)	278.880.000.012	278.880.000.012	
TỔNG CỘNG	308.093.960.229	308.093.960.229	120.344.052.350	(27.879.726.335)	400.558.286.244	400.558.286.244	

(i) Đây là các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV với lãi suất là 4,9%/năm. Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và một phần tài sản có định hữu hình làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay thấu chi này.

(ii) Đây là các khoản vay từ một số cá nhân với thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày giải ngân với khoản vay cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 12 tháng 1 năm 2023. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này từ 7% đến 8,4%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân.

(iii) Đây là khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank với lãi suất năm đầu tiên là 8%/năm và lãi suất từ năm thứ hai bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam dành cho cá nhân kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của ngân hàng cộng với biên độ lãi suất là 2,6%/năm. Công ty đã sử dụng toàn bộ máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án "Không gian sáng tạo CMC" làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn này. Gốc và lãi vay được thanh toán theo kế hoạch trả nợ được ngân hàng thông báo.

(iv) Đây là khoản trái phiếu được Công ty phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV với kỳ hạn là 5 năm và chịu lãi suất cố định là 8,8%/năm áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên. Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm trả sau cho cá nhân thông thường bằng đồng Việt Nam, với kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại Việt Nam. Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với Tòa nhà CMC Tower và các quyền sở hữu, lợi ích phát sinh đối với phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH CMC Global, Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC, và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC để đảm bảo cho khoản trái phiếu này. Gốc trái phiếu sẽ được chi trả toàn bộ tại thời điểm trái phiếu đáo hạn, lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	8.788.379.253	6.337.318.779
Trích lập quỹ trong năm (<i>Thuyết minh số 25.1</i>)	-	7.700.360.479
Sử dụng quỹ trong năm	(4.891.300.000)	(5.249.300.005)
Số dư cuối năm	3.897.079.253	8.788.379.253

24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	19.285.578.533	19.313.995.803
Trích lập quỹ trong năm (<i>Thuyết minh số 25.1</i>)	-	11.000.514.963
Nhận tiền từ Bộ Khoa học Công nghệ	360.863.350	-
Sử dụng quỹ trong năm	(16.996.667.404)	(11.028.932.233)
Số dư cuối năm	2.649.774.479	19.285.578.533



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	999.998.660.000	599.555.780.400	107.834.310.288	1.707.388.750.688
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	110.005.149.634	110.005.149.634
- Chia cổ tức	-	-	(99.999.866.000)	(99.999.866.000)
- Trích quỹ thưởng HĐQT và BKS	-	-	(1.100.051.501)	(1.100.051.501)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.600.308.978)	(6.600.308.978)
- Trích quỹ phát triển Khoa học công nghệ	-	-	(11.000.514.963)	(11.000.514.963)
Số cuối năm	999.998.660.000	599.555.780.400	99.138.718.480	1.698.693.158.880
Năm nay				
Số đầu năm	999.998.660.000	599.555.780.400	99.138.718.480	1.698.693.158.880
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	167.824.351.847	167.824.351.847
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	89.990.170.000	-	(89.990.170.000)	-
Số cuối năm	1.089.988.830.000	599.555.780.400	176.972.900.327	1.866.517.510.727

(i) Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ của Công ty trong năm với tỷ lệ là 9%, tương đương giá trị là 89.990.170.000 VND thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng của Công ty số 01/2021/NQ ĐHCĐ ngày 21 tháng 07 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Samsung SDS Asia Pacific Pte.Ltd	32.699.955	32.699.955	-	29.999.959	29.999.959	-
Công ty TNHH Đầu tư MVI	14.770.116	14.770.116	-	13.550.566	13.550.566	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	10.913.120	10.913.120	-	10.012.037	10.012.037	-
Quý PYN Elite	5.562.052	5.562.052	-	5.082.836	5.082.836	-
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	4.504.861	4.504.861	-	4.132.900	4.132.900	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	3.127.330	3.127.330	-	3.777.811	3.777.811	-
Tập đoàn Bảo Việt	4.117.813	4.117.813	-	3.777.811	3.777.811	-
Các cổ đông khác	33.303.636	33.303.636	-	29.665.946	29.665.946	-
TỔNG CỘNG	108.998.883	108.998.883	-	99.999.866	99.999.866	-

25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	999.998.660.000	999.998.660.000
Tăng trong năm (Thuyết minh số 25.1)	89.990.170.000	-
Số cuối năm	1.089.988.830.000	999.998.660.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	89.990.170.000	99.999.866.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	90.326.196.205	99.739.887.220
Trong đó:		
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng cổ phần	89.990.170.000	-
Cổ tức, lợi nhuận trả bằng tiền	336.026.205	99.739.887.220

25.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	108.998.883	99.999.866
Cổ phiếu phổ thông	108.998.883	99.999.866
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	108.998.883	99.999.866
Cổ phiếu phổ thông	108.998.883	99.999.866

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

TỔC
ÔNG
TN
VT
IẾT
HI
HÀ
KIẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	3.139	6.150

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	129.948.082.972	137.818.291.502
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	120.404.893.688	114.189.141.825
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	9.543.189.284	23.629.149.677

Các khoản giảm trừ doanh thu - -

Doanh thu thuần **129.948.082.972** **137.818.291.502**

Trong đó:		
Doanh thu đối với bên thứ ba	46.125.134.011	70.325.953.953
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	83.822.948.961	67.492.337.549

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	94.357.878.947	89.191.649.593
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.098.564.732	56.417.690.336
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng cổ phần (*)	75.685.504.802	47.501
TỔNG CỘNG	<u>224.141.948.481</u>	<u>145.609.387.430</u>

(*) Đây là phần lãi từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC như được trình bày tại Thuyết minh số 15.

28. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	59.965.327.276	53.526.215.884
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	8.968.230.963	23.041.752.228
TỔNG CỘNG	<u>68.933.558.239</u>	<u>76.567.968.112</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	19.841.961.706	16.019.820.563
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	28.664.091.981	2.341.356.762
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	201.638.928	3.681.115
TỔNG CỘNG	<u>48.707.692.615</u>	<u>18.364.858.440</u>

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	32.232.434.136	30.660.121.619
Chi phí vật liệu	321.970.582	926.685.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.557.119.364	4.533.385.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.357.834.089	33.730.743.754
Các chi phí khác	5.837.768.600	6.228.641.674
TỔNG CỘNG	<u>69.307.126.771</u>	<u>76.079.577.862</u>

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	321.970.582	2.131.561.400
Chi phí nhân công	32.232.434.136	30.660.121.619
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.325.725.947	76.778.336.802
Chi phí khấu hao và hao mòn	10.772.807.219	19.896.741.161
Chi phí khác	22.670.242.690	23.272.514.282
TỔNG CỘNG	<u>138.323.180.574</u>	<u>152.739.275.264</u>

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	2.571.601.784
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(57.996.340)	(57.996.340)
TỔNG CỘNG	(57.996.340)	2.513.605.444

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	167.766.355.507	112.518.755.078
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	33.553.271.101	22.503.751.016
<i>Các khoản điều chỉnh tăng thuế:</i>		
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	87.360.000	102.996.000
Các khoản điều chỉnh khác	57.996.341	57.996.341
<i>Các khoản điều chỉnh giảm thuế:</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(18.871.575.789)	(17.838.329.919)
Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần không chịu thuế	(15.137.100.960)	-
Giảm do ưu đãi thuế theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020	-	(1.316.294.574)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa các năm trước	-	(499.752.222)
Giảm khác	-	(438.764.858)
Tài sản thuế TNDN chưa được ghi nhận liên quan đến lỗ tính thuế	310.049.308	-
Chi phí thuế TNDN	-	2.571.601.784

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 Thuế TNDN hoãn lại

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	1.415.262.605	1.473.258.945		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng			57.996.340	57.996.340

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	50.389.124.355	43.204.373.374
		Mua dịch vụ	2.159.448.126	890.197.271
		Cổ tức được chia bằng cổ phiếu	95.025.471.708	43.540.107.000
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.056.039.450	10.368.956.906
		Mua dịch vụ	12.558.261.338	21.418.241.363
		Mua tài sản	-	21.116.650.251
		Cổ tức được chia	13.610.646.904	31.869.622.493
		Cho vay ngắn hạn	-	80.000.000.000
		Thu hồi khoản vay ngắn hạn	40.000.000.000	-
		Góp vốn bằng tiền mặt và bù trừ công nợ	70.000.000.000	-
		Trả vay ngắn hạn	-	40.000.000.000
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.432.421.488	8.294.289.496
		Cổ tức được chia	46.384.512.832	-
		Lãi vay phải trả	104.041.096	-
		Trả gốc vay	25.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.327.590.910	2.060.996.307
		Mua dịch vụ	2.227.565.753	396.360.665
		Mua tài sản	-	2.003.948.983
		Lãi cho vay	146.301.370	-
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.456.878.060	1.434.849.822
		Mua dịch vụ	4.355.318.679	3.061.626.948
		Thu hồi khoản cho vay ngắn hạn	54.200.000.000	-
		Mua tài sản	-	1.068.110.000
		Cho vay ngắn hạn	50.000.000.000	21.600.000.000
		Trả vay ngắn hạn	14.600.000.000	17.400.000.000
		Vay ngắn hạn	14.600.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay	551.298.630	489.989.041
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.963.496.926	1.898.977.591
		Thanh lý tài sản	7.815.943.747	-
		Mua dịch vụ	5.310.250.000	2.106.500.000
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3.495.000
		Mua dịch vụ, hàng hóa	32.369.223.528	469.686.800
		Cho vay ngắn hạn	20.929.606.851	11.770.000.000
		Phải thu lãi cho vay	2.029.844.862	951.749.205
		Thu hồi gốc vay	10.929.606.851	-
		Lợi nhuận được chia	17.906.638.110	-
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	-	6.615.272.727
Công ty Cổ phần NetNam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	16.456.080.600	13.781.920.100
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Góp vốn	-	100.000.000.000
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.110.000.000	-
		Trả gốc vay	3.000.000.000	-
		Lãi vay phải trả	2.972.054.795	-
		Vay ngắn hạn	-	100.000.000.000
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	87.397.772	226.399.053

302-Q
 CÔNG TY
 TNHH
 P & VC
 TNA
 NHÀ
 HÀ NỘI
 KIỂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay ngắn hạn và đi vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty đã trích lập một dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị là 6.250.054.277 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 3 năm 2021: 8.965.065.001 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	9.298.849.848	-
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	167.822.223	1.274.702.763
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.900.493.423	6.879.617.894
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.098.903.378	-
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	553.075.710	395.829.043
TỔNG CỘNG			13.019.144.582	8.550.149.700
Phải thu dài hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu chuyển nhượng cổ phần	136.867.370.000	-
TỔNG CỘNG			136.867.370.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	1.516.125.192	2.645.905.441
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	7.358.984.839	2.963.349.600
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	3.003.474.548	-
TỔNG CỘNG			11.878.584.579	5.609.255.041

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH Tổng công ty Công nghệ và giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu về cho vay	-	40.000.000.000
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu về cho vay	27.776.000.000	17.776.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Phải thu về cho vay	-	4.200.000.000
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Công ty con	Phải thu về cho vay	5.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			32.776.000.000	61.976.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	31.517.285.009	58.424.286.488
		Phải thu chi hộ	3.224.335.377	2.826.921.477
		Phải thu lãi cho vay	268.493.151	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	43.540.107.000	-
		Phải thu chi hộ	24.514.412	185.979.976
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.374.458.947
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con	Phải thu chi hộ	6.250.054.278	6.250.054.278
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu chi hộ	-	2.715.010.723
		Phải thu lãi cho vay	2.557.555.561	951.749.205
		Phải thu khác	-	38.932.419
Công ty Cổ phần CMC Consulting	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	1.480.000.000	1.480.000.000
		Phải thu chi hộ	132.181.045	106.353.460
		Phải thu lãi cho vay	123.287.671	-
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu chi hộ	429.443.600	288.072.311
		Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	46.384.512.832	-
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu chi hộ	473.970.000	12.000.000
		Khác	1.831.500.000	-
Các cá nhân liên quan khác	Bên liên quan khác	Phải thu khác	-	1.731.777.813
TỔNG CỘNG			138.237.239.936	77.385.597.097
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức được chia	-	43.540.107.000
TỔNG CỘNG			-	43.540.107.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	14.886.143.571	30.468.477.912
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	3.026.314.278	695.386.239
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Mua dịch vụ	21.759.328.791	-
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	-	2.560.461.987
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	9.218.000	-
TỔNG CỘNG			39.681.004.640	33.724.326.138
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 21)				
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Công ty con	Phải trả khác	45.081.450.398	-
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải trả khác	2.972.054.795	-
Các cá nhân liên quan	Công ty con	Phải trả khác	445.307.000	549.023.354
TỔNG CỘNG			48.498.812.193	549.023.354
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 22)				
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng (*)	Công ty con	Vay ngắn hạn	97.000.000.000	100.000.000.000
TỔNG CỘNG			97.000.000.000	100.000.000.000

(*) Đây là khoản vay tín chấp, có kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 26 tháng 3 năm 2023 và chịu lãi suất là 3%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Phước Hải	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	418.920.000	430.800.000
	Thành viên HĐQT		
	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn		
	– Giám đốc Quản trị	359.280.000	199.200.000
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	71.280.000	79.200.000
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	71.280.000	79.200.000
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT	71.280.000	79.200.000
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	71.280.000	79.200.000
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT	71.280.000	79.200.000
Ông Jeong Sam Yong	Thành viên HĐQT	23.760.000	79.200.000
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT	63.360.000	56.100.000
Ông Lee Jay Seok	Thành viên HĐQT	47.520.000	-
Ông Suh Jae Il	Thành viên HĐQT	-	6.600.000
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành Cấp cao Tập đoàn - Phụ trách điều hành hoạt động Công ty		
	Quyền Tổng giám đốc từ ngày 7 tháng 7 năm 2021	840.000.000	634.000.000
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	137.500.000	660.000.000
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn		
	– Giám đốc Tài chính	1.203.000.000	1.170.000.000
Ông Lương Tuấn Thành	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn		
	– Giám đốc Công nghệ	85.500.000	341.750.000
Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng Ban kiểm soát	89.640.000	99.600.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát từ 21 tháng 7 năm 2021	60.000.000	-
Ông Trương Thanh Phúc	Thành viên Ban kiểm soát đến 21 tháng 7 năm 2021	-	60.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban kiểm soát	54.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG		3.738.880.000	4.193.250.000

(*) bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Lĩnh vực cho thuê văn phòng</i>	<i>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	120.404.893.688	9.543.189.284	129.948.082.972
Tổng doanh thu	120.404.893.688	9.543.189.284	129.948.082.972
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	60.439.566.412	574.958.321	61.014.524.733
Chi phí bán hàng	(82.495.564)		(82.495.564)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)			106.834.326.338
Lợi nhuận thuần trước thuế			167.766.355.507
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			57.996.340
Lợi nhuận thuần sau thuế			167.824.351.847
Tài sản và công nợ			
<i>Tài sản bộ phận</i>	202.242.173.918	13.198.462.392	215.440.636.310
<i>Tài sản không phân bổ (ii)</i>			2.484.154.870.894
Tổng tài sản			2.699.595.507.204
<i>Nợ phải trả bộ phận</i>	5.498.699.705	39.681.004.640	45.179.704.345
<i>Nợ phải trả không phân bổ (iii)</i>			787.898.292.132
Tổng nợ phải trả			833.077.996.477
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	114.189.141.825	23.629.149.677	137.818.291.502
Tổng doanh thu	114.189.141.825	23.629.149.677	137.818.291.502
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	60.662.925.941	587.397.449	61.250.323.390
Chi phí bán hàng	(91.729.290)		(91.729.290)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)			51.360.160.978
Lợi nhuận thuần trước thuế			112.518.755.078
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(2.571.601.784)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			57.996.340
Lợi nhuận thuần sau thuế			110.005.149.634
Tài sản và công nợ			
<i>Tài sản bộ phận</i>	190.776.563.961	12.539.818.221	203.316.382.182
<i>Tài sản không phân bổ (ii)</i>			2.188.658.576.288
Tổng tài sản			2.391.974.958.470
<i>Nợ phải trả bộ phận</i>	6.857.774.409	33.724.326.138	40.582.100.547
<i>Nợ phải trả không phân bổ (iii)</i>			652.699.699.043
Tổng nợ phải trả			693.281.799.590



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

- (i) Thu nhập, chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí thuế TNDN;
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, trả trước cho người bán, phải thu khác và chi phí xây dựng cơ bản dở dang;
- (iii) Nợ phải trả không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục chi phí phải trả, phải trả người lao động, phải trả khác, thuế, vay và nợ thuê tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 211,85 tỷ VND liên quan đến việc xây dựng Dự án “Không gian sáng tạo CMC”.

Cam kết góp vốn

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty có cam kết góp vốn vào Công ty TNHH CMC Education với số tiền còn thiếu là 73,7 tỷ VND.

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	47.117.092.752	46.956.395.223
Từ 1 năm – 5 năm	17.353.478.589	44.912.694.730
TỔNG CỘNG	64.470.571.341	91.869.089.953

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	1.052.595.000	1.052.595.000
Từ 1 năm – 5 năm	4.210.380.000	4.210.380.000
Trên 5 năm	30.120.721.505	31.173.893.586
TỔNG CỘNG	35.383.696.505	36.436.868.586



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương



Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn



Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Nguyễn Trung Chính

Ngày 29 tháng 6 năm 2022